

Bản án số: 133/2020/DS-ST

Ngày: 25 – 9 - 2020

V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly
2. Bà Vũ Thị Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-DS ngày 28/5/2020, về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T – sinh năm 1980 (theo giấy ủy quyền số 147/2020/UQ-TTT ngày 09/3/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lệ H – sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 564 đường H, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng), các bản tự khai bà Nguyễn Bích Thanh T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau: Ngày 24/03/2012, Bà Trần Thị Lệ H có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng 02 thẻ tín dụng gồm thẻ Ladies First số 486265 - 1667 và thẻ Family 970403 - 6470 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung của hai thẻ là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất thẻ Ladies first số 486265 – 1667 là 2.15%/tháng và lãi suất thẻ Family 970403 - 6470 là 2.5%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.300.000 đồng trong đó thẻ Ladies First số 486265-1667 là 24,300,000 đồng và thẻ Family 970403– 6470 là 25.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.200.000 đồng, trong đó thẻ Ladies First số 486265- 1667 là 6.200.000 đồng và thẻ Family 970403 – 6470 là 4.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 21/01/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của hai thẻ là 53.124.982 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn = lãi suất trong hạn x 150%.

Tính đến ngày 25/09/2020, bà H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 53.124.982 đồng (thẻ số 486265 – 1667 là 24.519.757 đồng và thẻ số 970403 – 6470 là 28.605.225 đồng)
- Lãi quá hạn : 174.235.380 đồng (trong đó thẻ mã số 486265 – 1667 là 73.936.995 đồng và thẻ số 970403 – 6470 là 100.298.385 đồng)
- Tổng cộng : 227.360.362 đồng (thẻ số 486265 – 1667 là 98.456.752 đồng và thẻ số 970403 – 6470 là 128.903.610 đồng)

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Lệ H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2020 của cả hai thẻ là 227.360.362 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Bà Trần Thị Lệ H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/09/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Bị đơn bà Trần Thị Lệ H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án . Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thì có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng hai thẻ tín dụng gồm thẻ Ladies first mã số 486265 - 1667 và thẻ Family mã số 970403 - 6470 thì bà H đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền vay

còn thiếu phát sinh từ việc sử dụng hai thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là: 227.360.362 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 10/3/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 trên đơn khởi kiện ghi người bị kiện là bà Trần Thị Lệ H có địa chỉ số: 564 đường H, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 12/6/2020 của Công an Phường L, Quận F thì: “*đương sự Trần Thị Lệ H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 564 đường H, Phường L, Quận F, năm 2016 bỏ địa phương đi đâu không rõ*”. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay còn thiếu theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ngân hàng phê duyệt ngày 24/3/2012 có ghi địa chỉ của bà H tại số: 564 đường H, Phường L, Quận F. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà H, nhưng bà H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà H trả số tiền vay còn thiếu, bà Trần Thị Lệ H có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 564 đường H, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do bà Nguyễn Bích Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Trần Thị Lệ H thì Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Lệ H theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự. Xét bà H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 21/3/2012 được ngân hàng phê duyệt vào ngày 24/3/2012, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ), các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đủ cơ sở xác định ngày 21/3/2012 giữa bà Trần Thị Lệ H và Ngân hàng đã xác lập hợp đồng cấp và sử dụng thẻ tín dụng. Vào ngày 24/3/2012 Ngân hàng đã phê duyệt cấp hai thẻ tín dụng gồm:

thẻ Ladies First mã số 486265 – 1667, lãi suất áp dụng là: 2.15%/tháng và thẻ Family mã số 970403 – 6470, lãi suất áp dụng là 2.5%/tháng với hạn mức sử dụng chung là 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch vay tiền của Ngân hàng. Đối với thẻ Ladies First mã số 486265 – 1667 số tiền vay là 24.300.000 đồng. Bà H phải thanh toán tiền lãi trong hạn đối với khoản vay là: 5.034.563 đồng và phí là: 1.385.194 đồng. Tuy nhiên, bà H mới chỉ thanh toán được số tiền là 6.200.000 đồng. Số tiền còn thiếu chưa thanh toán là: 219.757 đồng được cộng vào tiền vốn vay tổng cộng là: $24.300.000đ + 219.757đ = 24.519.757$ đồng

Đối với thẻ Family số thẻ 970403-6470 số tiền vay là 25.000.000 đồng. Bà H phải thanh toán tiền lãi trong hạn đối với khoản vay là: 6.554.001 đồng, phí là: 1.051.224 đồng. Tuy nhiên, bà H mới chỉ thanh toán được 4.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là: 3.605.225 đồng. Số tiền còn thiếu chưa thanh toán là: 3.605.225 đồng được cộng vào tiền vốn vay tổng cộng là: $25.000.000đ + 3.605.225đ = 28.605.225$ đồng.

Ngày 21/01/2013 thì Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ Ladies First số thẻ 486265 – 1667 với số tiền vốn vay là: 24.519.757 đồng và thẻ Family số thẻ 970403-6470 với số tiền vốn vay là: 28.605.225 đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, bà Trần Thị Lệ H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Lệ H phải thanh toán số nợ còn thiếu đối với thẻ Ladies First mã số 486265 – 1667 với số tiền là: 98.456.752 đồng (trong đó nợ gốc là: 24.519.757 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2020 là: 73.936.995 đồng) và nợ còn thiếu đối với thẻ Family số thẻ 970403-6470 với số tiền là: 128.903.610 đồng (trong đó nợ gốc là: 28.605.225 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25/9/2020 là: 100.298.385 đồng). Tổng cộng nợ của hai thẻ tín dụng là: 227.360.362đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Lệ H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ngân hàng là: $227.360.362 \text{ đồng} \times 5\% = 11.368.018$ đồng

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.256.962 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010240 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1. Buộc bà Trần Thị Lệ H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn và lãi còn thiếu của hai thẻ tín dụng là: 227.360.362đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn, ba trăm sáu mươi hai đồng) (trong đó: thẻ Ladies First mã số 486265 – 1667 nợ gốc là: 24.519.757 đồng và nợ lãi quá hạn là: 73.936.995 đồng và thẻ Family số thẻ 970403-6470 nợ gốc là: 28.605.225 đồng, nợ lãi quá hạn là: 100.298.385 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 21/3/2020 được phê duyệt hạn mức tín dụng ngày 24/3/2020 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Lệ H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Lệ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.368.018đ (Mười một triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn không trăm mười tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tạm ứng án phí đã nộp là 5.256.962đ (Năm triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010240 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Trần Thị Lệ H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn